

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ
Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 4 năm 2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh và bà Kiều Thị Thắng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thư ký tòa án Toà án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Phương, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 394/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phùng Văn T, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: TDP H, phường V, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: TDP C, phường V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt – đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2026).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: TDP C, phường V, tỉnh Phú Thọ; hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại: Trại giam Q đóng tại xã B, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt – đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/3/2026).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn là anh Phùng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Lan A được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08/8/2012 tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường V, tỉnh Phú Thọ). Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc yêu thương nhau. Ngày 06/02/2023, chị A bị bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, khi đó anh mới biết chị A vi phạm pháp luật và sau đó chị A đi chấp hành án phạt tù tại đội 5, phân trại số 1 thuộc Trại giam Q đóng tại xã B, tỉnh Tuyên Quang từ đó cho tới nay. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phùng Anh T1, sinh ngày 01/4/2009; cháu Phùng Ánh D, sinh ngày 29/6/2013; cháu Phùng Hạo N, sinh ngày 07/8/2017; cháu Phùng Nguyễn Bích D1, sinh ngày 21/9/2020. Hiện cháu các cháu đang sống chung cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 4 con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 20/3/2026, Bị đơn là chị Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn T kết hôn với nhau ngày 08/8/2012 và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ngày 06/02/2023, chị vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” sau đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tuyên phạt án chung thân. Hiện tại chị đang chấp hành án phạt tù tại Đội 5 - Phân trại số I - Trại giam Q. Nay anh T làm đơn ly hôn, chị biết và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là cháu Phùng Anh T1, sinh ngày 01/04/2009; cháu Phùng Ánh D, sinh ngày 29/6/2013; cháu Phùng Hạo N, sinh ngày 07/8/2017; cháu Phùng Nguyễn Bích D1, sinh ngày 21/9/2020. Hiện các cháu đang sống cùng anh T. Ly hôn chị đồng ý để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ đề nghị hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Cho anh Phùng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A. Giao cháu Phùng Anh T1, Phùng Ánh D, Phùng Hạo N, Phùng Nguyễn Bích D1 cho anh Phùng Văn T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị Nguyễn Thị Lan A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phùng Văn T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Chị A đăng ký thường trú tại TDP C, phường V, tỉnh Phú Thọ nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị A hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn T và chị Nguyễn Thị Lan A kết hôn với nhau ngày 08/8/2012 và đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là UBND phường V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, tiến bộ. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, yêu thương nhau cho đến ngày 06/02/2023 chị A vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt hình phạt Chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và sau đó chị A đi chấp hành án phạt tù tại đội 5, phân trại số 1 thuộc Trại giam Q đóng tại xã B, tỉnh Tuyên Quang từ đó cho tới nay.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị A cùng xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh T làm đơn ly hôn, chị Lan A đồng ý ly hôn. Thể hiện, mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh chị và cho anh T được ly hôn chị A là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Anh T, chị Lan A có 04 con chung là cháu Phùng Anh T1, sinh ngày 01/4/2009; cháu Phùng Ánh D, sinh ngày 29/6/2013; cháu Phùng Hạo N, sinh ngày 07/8/2017; cháu Phùng Nguyễn Bích D1, sinh ngày 21/9/2020. Hiện các cháu đang sống chung cùng anh T. Ly hôn anh T, chị A cùng đề nghị để anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Xét thấy, hiện nay các cháu đang còn nhỏ và đang sinh hoạt, học tập cùng anh T. Chị A đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Q nên không có đủ điều kiện để chăm sóc con chung nên cần chấp nhận đề nghị của anh T, chị A giao các con chung cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng các cháu.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Anh T, chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phùng Văn T ly hôn chị Nguyễn Thị Lan A.

[2] Về nuôi con chung: Giao cho anh Phùng Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Anh T1, sinh ngày 01/4/2009; cháu Phùng Ánh D, sinh ngày 29/6/2013; cháu Phùng Hạo N, sinh ngày 07/8/2017; cháu Phùng Nguyễn Bích D1, sinh ngày 21/9/2020. Chị Nguyễn Thị Lan A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Anh Phùng Văn T chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0006411 ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Anh Phùng Văn T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

VKSND KV 9 – Phú Thọ;
THADS tỉnh Phú Thọ;
UBND phường Vĩnh Yên;
Các đương sự;
Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Mẫu Văn Mùi